

# **Phát triển nông thôn Việt Nam – Vấn đề và thách thức**

## Nội dung

1. Giả định tiềm ẩn
2. Định nghĩa và đặc tính
3. Các thành phần kế sinh nhai ở nông thôn là gì?
4. Thách thức để đạt được những thành phần này là gì?
5. Phản ứng của người dân nông thôn trước những thách thức này là gì?
6. Phản ứng của quốc gia và nhà nước trước những thách thức này là gì?
7. Kết luận

NGUỒN THÔNG TIN TRÍCH DẪN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP THEO YÊU CẦU

# 1. Các giả định hiện đại và những giai thoại đô thị Đúng hay Sai?

1. Hiện đại = “phương tây”
2. Hiện đại hoá = tiến bộ = công nghiệp hoá = phát triển kinh tế
3. Hiện đại hoá = đô thị hoá
4. Truyền thống/phi hiện đại/phi phương tây = phi tiến bộ, phi phát triển hoặc tụt hậu

# 1. Các giả định hiện đại và những giai thoại đô thị Đúng hay Sai?

5. Năng suất và công ăn việc làm đô thị có giá trị trong việc phát triển kinh tế quốc gia hơn ở nông thôn
6. Dân nông thôn ít học hơn. Do đó, suy nghĩ của họ về phát triển nông thôn ít có cơ sở, sai và không có giá trị

# 1. Các giả định hiện đại và những giai thoại đô thị Đúng hay Sai?

7. Người thành thị hiện đại hơn dân quê vì họ có nhiều tham vọng hơn và thông minh hơn.
  
8. Dân thành thị và hiện đại cần tiếp cận cơ sở hạ tầng và dịch vụ do nhà nước cung cấp nhiều hơn dân nông thôn (ví dụ, đường xá, bệnh viện, giáo dục, trợ cấp thực phẩm, tín dụng giá rẻ...)

## 2. Đặc điểm

### 1. “Hiện đại” & “phương tây”

- Những định nghĩa đối kháng mang tính lưỡng phân
- Thường là định nghĩa mang tính lịch sử
- Thường tập trung vào sự đồng dạng, không phải khác biệt

## 2. Đặc điểm

### 2. Hiện đại hoá & công nghiệp hoá + công nghiệp hoá nông nghiệp

- Công nghệ
- Tái tổ chức kinh tế xã hội để chuyên dụng nguồn lực và đạt năng suất cao hơn
- Nguồn năng lượng phi con người, phi súc vật
- Sản xuất đại trà
- Cơ giới hoá
  
- Thâm canh (không phải quảng canh)
- Sản xuất lương thực và hoa màu dựa trên sản phẩm hoá dầu
- Sản xuất lương thực cơ giới hoá
- Cách mạng xanh

## 2. Đặc điểm

### Cách mạng xanh

- Năng suất cao, giống lai (ngũ cốc, gạo, lúa mì, bắp)
- Phân bón tổng hợp
- Thuốc trừ sâu, diệt cỏ (thành phần hoá học mới)
- + quản lý nông nghiệp công nghiệp hoá, mở rộng thu lợi
- 1940-1960s: nghiên cứu – phát triển – chuyển giao công nghệ

## 2. Đặc điểm

### Lý thuyết hiện đại hoá kinh tế

- Walt Rostow – 1960's – các giai đoạn tăng trưởng
  - ✓ Xã hội truyền thống
  - ✓ Cất cánh
  - ✓ Tiến tới phát triển toàn diện
  - ✓ Tiêu dùng đại chúng cao



### 3. Kế sinh nhai – thành phần

#### Vốn/tài sản

- a. Vốn tự nhiên
- b. Vốn vật chất
- c. Vốn con người (+ vốn thể chế & chính trị)
- d. Vốn xã hội
- e. Vốn tài chính

### 3. Kế sinh nhai – thành phần

#### a. Vốn tự nhiên

- Đất, thổ nhưỡng
- Hệ động thực vật
- Nước, thủy sản

### 3. Kế sinh nhai – thành phần

#### b. Vốn vật chất

- Công cụ sản xuất
- Máy móc
- Cơ giới
- Nơi ở

### 3. Kế sinh nhai – thành phần

#### c. Vốn con người

- Sức lao động (từ những con người khoẻ mạnh và có năng suất)
- Giáo dục
- Kiến thức, kỹ năng

### 3. Kế sinh nhai – thành phần

#### d. Vốn xã hội

- Hiệp hội
- Các nhóm hỗ trợ lẫn nhau
- Mạng lưới gia đình/giai cấp

### 3. Kế sinh nhai – thành phần

#### e. Vốn tài chính

- Tiết kiệm
- Tín dụng
- Kiềm hối
- Lương hưu

## 4. Thách thức đối với thành phần kế sinh nhai

Tài sản vốn

- a. Tự nhiên
- b. Vật chất
- c. Con người
- d. Xã hội
- e. Tài chính

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

- 1. đất
- 2. công cụ sản xuất
- 3. lao động
- 4. hiệp hội
- 5. tín dụng

## 4. Thách thức đối với thành phần kế sinh nhai

Tài sản vốn

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

a. Tự nhiên

1. đất



## 4. Thách thức đối với thành phần kế sinh nhai

Tài sản vốn

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

b. Vật chất

2. công cụ sản xuất

## 4. Thách thức đối với thành phần kế sinh nhai

Tài sản vốn

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

c. Con người

3. lao động

## 4. Thách thức đối với thành phần kế sinh nhai

Tài sản vốn

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

d. Xã hội

4. hiệp hội

## 4. Thách thức đối với thành phần kế sinh nhai

Tài sản vốn

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

e. Tài chính

5. tín dụng

## 5. Phản ứng của hộ dân/cư dân nông thôn đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận	Phản ứng của người dân/hộ dân
1. Đất	a. Thuê đất từ người khác
2. Công cụ sản xuất	b. Các nhóm hỗ trợ lẫn nhau
3. Lao động	c. Hợp tác mạng lưới
4. Hiệp hội	d. Ví dụ, Chính thức ghi nhận các nhóm sử dụng tài nguyên
5. Tín dụng	e. Mạng lưới gia đình/giai tầng

## 5. Phản ứng của hộ dân/cư dân nông thôn đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận    Phản ứng của người dân/hộ dân

1. Đất

a. Thuê đất từ người khác

## 5. Phản ứng của hộ dân/cư dân nông thôn đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của người dân/hộ dân

2. Công cụ sản xuất

b. Các nhóm hỗ trợ lẫn nhau

## 5. Phản ứng của hộ dân/cư dân nông thôn đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của người dân/hộ dân

3. Lao động

c. Hợp tác mạng lưới



## 5. Phản ứng của hộ dân/cư dân nông thôn đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của người dân/hộ dân

4. Hiệp hội

d. Ví dụ, Chính thức ghi nhận các nhóm sử dụng tài nguyên

## 5. Phản ứng của hộ dân/cư dân nông thôn đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của người dân/hộ dân

5. Tín dụng

e. Mạng lưới gia đình/giai tầng

## 5. Phản ứng của nhà nước, quốc gia đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của nhà nước

1. Đất

a. Tinh giản

2. Công cụ sản xuất

b. Cơ giới hoá

3. Lao động

c. Khuyến nông

4. Hiệp hội

d. Phân cấp quản lý tài nguyên thiên nhiên

5. Tín dụng

e. Hỗ trợ nhà sản xuất trung bình và lớn

## 5. Phản ứng của nhà nước, quốc gia đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của nhà nước

1. Đất

a. Tinh giản

## 5. Phản ứng của nhà nước, quốc gia đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của nhà nước

2. Công cụ sản xuất

b. Cơ giới hoá

## 5. Phản ứng của nhà nước, quốc gia đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của nhà nước

3. Lao động

c. Khuyến nông

## 5. Phản ứng của nhà nước, quốc gia đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận

Phản ứng của nhà nước

4. Hiệp hội

d. Phân cấp quản lý tài nguyên thiên nhiên

## 5. Phản ứng của nhà nước, quốc gia đối với thách thức

Chất lượng/số lượng/tiếp cận    Phản ứng của nhà nước

5. Tín dụng

e. Hỗ trợ nhà sản xuất trung bình và lớn



## 7. Kết luận

- Giả định, giai thoại, niềm tin và lý thuyết liên quan đến phát triển và người dân nông thôn
- Cách mạng xanh và giới hạn?
- Kế sinh nhai bền vững và phát triển nông thôn bền vững sinh thái?
- Lý thuyết, niềm tin, giai thoại, và phản ứng trước các thách thức phát triển nông thôn

# Phát triển nông thôn Việt Nam – Vấn đề và thách thức

## Nội dung

1. Giả định tiềm ẩn
2. Định nghĩa và đặc tính
3. Các thành phần kế sinh nhai ở nông thôn là gì?
4. Thách thức để đạt được những thành phần này là gì?
5. Phản ứng của người dân nông thôn trước những thách thức này là gì?
6. Phản ứng của quốc gia và nhà nước trước những thách thức này là gì?
7. Kết luận

NGUỒN THÔNG TIN TRÍCH DẪN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP THEO YÊU CẦU